

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 18/7/2023

V/v “Ly hôn – Chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Khuru Để Dành;
2. Ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Dương Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Dương Quy Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 36/2022/TLPT – HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn - Chia tài sản chung khi ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số: 130/2022/HNGĐ-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐ-PT ngày 26/12/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số: 422/2023/QĐ-PT ngày 11/5/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 06/2023/QĐ-PT ngày 26/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Duy K, sinh năm 1971; địa chỉ: số 88 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Số 101, đường NT, Khóm 7, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K: Luật sư Nguyễn Thị Việt B - Văn phòng phòng luật sư VA thuộc Đoàn luật sư tỉnh AG; địa chỉ: 149/32 hẻm 7, khóm ĐA 4, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

- **Bị đơn:** bà Huỳnh Thị Ái Q, sinh năm 1972; địa chỉ: số 88 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Q: Luật sư Lê Lâm T – Công ty luật LT, thuộc Đoàn luật sư tỉnh AG; địa chỉ: 16 LTK, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

Người kháng cáo: Ngày 04/8/2022 bị đơn bà Huỳnh Thị Ái Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể bà Q yêu cầu được chia 2/3 giá trị tài sản chung để bà nuôi con chung; Yêu cầu tòa phúc thẩm xem xét lại số tiền 1.855.000.000 đồng ông K rút tiền trong khối tài sản chung để sử dụng riêng cá nhân; Yêu cầu xem xét lại giá trị nhà, đất số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có diện tích sàn 319.50m² (giá trị quá cao), ngoài ra không kháng cáo các nội dung khác của án sơ thẩm. Nguyên đơn ông K không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Duy K trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** ông K và bà Q quen nhau, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ML, thành phố LX vào ngày 11/4/1996 theo quy định pháp luật, cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn về tiền bạc, ông K nghi ngờ bà Q có mối quan hệ khác giới ngoài xã hội, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, nhận thấy mục đích hôn nhân không còn nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Q.

- **Về quan hệ con chung:** cả hai có 01 con chung tên Trần Thị Xuân Q1, sinh ngày 19/5/1996 đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động (đang sống với bà Q).

- **Về tài sản chung:** ông K, bà Q thống nhất tài sản chung của vợ chồng có tạo lập gồm:

1. Hai sổ tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – chi nhánh An Giang do bà Huỳnh Thị Ái Q đứng tên gồm: Sổ tiết kiệm số 08781940003 số tiền 5.100.000.000đ, Sổ tiết kiệm số 08781940004 số tiền là 600.000.000đ (tổng cộng 5.700.000.000đ).

2. Nhà, đất tọa lạc tại số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000669, diện tích sàn 319.50m², do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01419bA; thửa số 42; tờ bản đồ số 19; với diện tích 65,7m², do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q.

3. Căn hộ chung cư mã căn: OP1-19.07, tại tầng 19 thuộc Dự án khu phức hợp Văn phòng Thương mại, Dịch vụ, Officetel và Căn hộ tại số 130-132 HH,

Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích sử dụng 76,1m²; diện tích xây dựng 82,72m².

4. Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K.

5. Xe mô tô nhãn hiệu SH của Ý, biển số 67P1-8131 mang tên Huỳnh Thị Ái Q.

6. Xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 mang tên Trần Duy K.

7. Giá trị cửa hàng kinh doanh quà lưu niệm tên XQ. Tọa lạc tại: Số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang. Hiện do bà Huỳnh Thị Ái Q trực tiếp kinh doanh và thu lợi nhuận.

8. Lợi nhuận từ việc kinh doanh cửa hàng quà lưu niệm XQ, tọa lạc tại: Số 88, số 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang từ ngày 01/5/2020 đến 26/01/2021 là 1.215.000.000đ (một tỷ hai trăm mười lăm triệu đồng).

Tất cả các tài sản chung nêu trên ông yêu cầu chia đôi, cụ thể ông K yêu cầu chia tài sản chung như sau:

- Hai sổ tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – chi nhánh An Giang do bà Huỳnh Thị Ái Q đứng tên gồm: Sổ tiết kiệm số 08781940004 số tiền là 600.000.000đ và Sổ tiết kiệm số 08781940003 số tiền 5.100.000.000đ (tổng cộng là 5.700.000.000đ) cùng với tiền lãi của số tiền 5.100.000.000đ **ông yêu cầu chia đôi;**

- Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 30/5/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á có giá là 466.563.000đ (bốn trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng). **Ông xin nhận xe và đồng ý hoàn lại một nửa giá trị cho bà Q với số tiền là 233.281.500đ;**

- Xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 mang tên Trần Duy K, hiện do ông trực tiếp quản lý sử dụng. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 30/5/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á có giá là 45.514.000đ, **ông xin được nhận xe và hoàn lại một nửa giá trị cho bà Q với số tiền là 22.757.000đ;**

- Xe mô tô nhãn hiệu SH của nước Ý, biển số 67P1-8131 mang tên Huỳnh Thị Ái Q, hiện do bà Huỳnh Thị Ái Q trực tiếp quản lý sử dụng, ông và bà Q thống nhất giá trị là 90.000.000đ. Bà Q nhận xe, **yêu cầu bà Q hoàn lại một nửa giá trị cho ông với số tiền là 45.000.000đ;**

- Căn hộ chung cư mã căn: OP1-19.07, tại tầng 19 thuộc Dự án khu phức hợp Văn phòng Thương mại, Dịch vụ, Officetel và Căn hộ tại số 130-132 HH, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích sử dụng 76,1m²; diện tích xây dựng 82,72m². Có giá 4.200.000.000đ (bốn tỷ hai trăm triệu đồng) **ông**

xin nhận căn hộ và sẽ hoàn lại một nửa giá trị cho bà Q với số tiền là 2.100.000.000đ;

- Nhà, đất tọa lạc tại số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000669, diện tích sàn 319.50m², do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009 cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01419bA; thửa số 42; tờ bản đồ số 19; với diện tích 65,7m², do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009 cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 30/5/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á có giá là 20.290.050.468đ (hai mươi tỷ hai trăm chín mươi triệu không trăm năm mươi nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng). **Ông K đồng ý để bà Q tiếp tục quản lý sử dụng, bà Q có nghĩa vụ hoàn lại một nửa giá trị cho ông tương đương số tiền là 10.145.025.234đ (mười tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).**

- Giá trị cửa hàng kinh doanh quà lưu niệm XQ tọa lạc tại số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang hiện do bà Huỳnh Thị Ái Q trực tiếp kinh doanh, vợ chồng thống nhất giá trị là 500.000.000đ. **Ông yêu cầu bà Q hoàn lại cho ông 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).**

- Lợi nhuận từ việc kinh doanh cửa hàng quà lưu niệm XQ, tọa lạc tại số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang từ ngày 01/5/2020 đến 26/01/2021 là 1.215.000.000đ (một tỷ hai trăm mười lăm triệu đồng) **ông yêu cầu bà Q hoàn lại cho ông 607.500.000đ.** Ông K thống nhất với chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á ngày 30/5/2022 và thống nhất với bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh An Giang lập ngày 06/10/2020.

Đối với việc bà Q yêu cầu chia tài sản chung dưới đây ông K có ý kiến như sau:

1. Nhà, đất tọa lạc tại số 88 đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02269; thửa số 64; tờ bản đồ số 19; với diện tích 52,3m²; nhà ở có diện tích xây dựng 52,3m²; diện tích sàn 219,5m², do UBND thành phố LX cấp ngày 05/9/2014, mang tên Trần Duy K. **Đây là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia.**

2. Hai sổ tiết kiệm gồm: Sổ tiết kiệm gửi tại ngân hàng SCB – Chi nhánh An Giang với số tiền là 1.573.000.000đ (một tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu đồng) và sổ tiết kiệm gửi tại ngân hàng SHB – Chi nhánh An Giang với số tiền là 3.412.000.000đ (ba tỷ bốn trăm mười hai triệu đồng) mà bà Q yêu cầu chia đôi số tiền này và tiền lãi của hai sổ tiết kiệm này thì ông không đồng ý. **Vì lúc vợ chồng còn hòa thuận thì bà Q có gửi sổ tiết kiệm riêng và ông có gửi sổ tiết kiệm riêng khi cần mua hàng hay chi trả cho cửa hàng quà lưu niệm thì vợ chồng lấy tiền đó ra để chi trả.**

Ông K thừa nhận đã rút tiền trong sổ tiết kiệm để chi trả cho cửa hàng quà lưu niệm XQ cụ thể: **Ngày 29/02/2020, ông rút 200.000.000đ từ Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – HN - Chi nhánh An Giang; ngày 13/4/2020, ông rút 212.000.000đ từ Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – HN - Chi nhánh An Giang; ngày 16/4/2020, tất toán 273.000.000đ từ sổ tiết kiệm Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – HN - Chi nhánh An Giang, tổng số tiền ông K rút là 685.000.000 đồng.** Phần còn lại ông sử dụng cho các chi tiêu sinh hoạt cần thiết trong thời gian vợ chồng làm thủ tục ly hôn từ tháng 5/2020 cho đến nay là **1.170.000.000đ.** Thời gian này mọi lợi nhuận từ việc kinh doanh shop XQ bà Q đều lấy hết. Vì vậy số tiền hiện nay ông đang giữ là **3.130.000.000đ và ông đồng ý chia đôi số tiền này; đối với yêu cầu tiền lãi thì ông không đồng ý.**

- **Về nợ chung:** không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các văn bản trình bày ý kiến; đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng ngày 19/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Ái Q trình bày:

- Về hôn nhân: thống nhất với lời trình bày của ông K về thời gian kết hôn cũng như thời gian sống ly thân của vợ chồng. Ông K trình bày phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là không đúng, vì trong cuộc sống vợ chồng đôi khi có cãi vã trong gia đình nhưng không trầm trọng đến mức ông K phải xin ly hôn. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của ông K thì bà không đồng ý vì còn thương ông K và muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau lo cho con, nếu ông K cương quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông K.

- Về con chung: thống nhất theo trình bày của ông K, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Xuân Q1, sinh ngày 19/5/1996 đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động.

Về tài sản chung: đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông K thì bà có ý kiến như sau:

1. Hai sổ tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – chi nhánh An Giang do bà Huỳnh Thị Ái Q đứng tên gồm: Sổ tiết kiệm số 08781940003 số tiền 5.100.000.000đ và tiền lãi; Sổ tiết kiệm số 08781940004 số tiền là 600.000.000đ. **Bà đồng ý chia đôi theo yêu cầu của ông K.**

2. Nhà, đất tọa lạc tại số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000669, diện tích sàn 319.50m², do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01419bA; thửa số 42; tờ bản đồ số 19; với diện tích 65,7m², do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q. Giá trị nhà đất này bà thống nhất theo giá theo chứng thư ngày 29/6/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Trị Việt, giá trị nhà, đất là 16.936.000.000đ (mười sáu tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu đồng). **Bà xin nhận nhà, đất và hoàn lại một nửa giá trị cho ông K.**

3. Căn hộ chung cư tại tòa nhà Orchard Parkview 130-132 HH, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh trước đây bà thống nhất giá trị là 4.200.000.000đ. **Nhưng bà không đồng ý chia vì ông K hứa là sẽ cho XQ căn hộ này.**

4. Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K. Ông K đang quản lý sử dụng bà thống nhất giá trị là 466.563.000đ và **đồng ý để ông K tiếp tục sử dụng; ông K hoàn lại một nửa giá trị cho bà là 233.281.500đ.**

5. Xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 mang tên Trần Duy K, hiện do ông Trần Duy K trực tiếp quản lý sử dụng. Bà thống nhất với giá mà ông K đưa ra là 45.514.000đ. **Bà đồng ý để cho ông K tiếp tục sử dụng; ông K phải hoàn lại một nửa giá trị cho bà là 22.757.000đ.**

6. Xe mô tô nhãn hiệu SH của Ý, biển số 67P1-8131 mang tên Huỳnh Thị Ái Q, hiện do bà đang quản lý sử dụng, thống nhất giá trị xe này là 90.000.000đ. **Bà xin được tiếp tục sử dụng và sẽ hoàn lại một nửa giá trị cho ông K là 45.000.000đ.**

7. Giá trị cửa hàng kinh doanh quà lưu niệm tên XQ. Tọa lạc tại số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang. Hiện do bà trực tiếp kinh doanh, bà thống nhất với giá mà ông K đưa ra là 500.000.000đ, **bà đồng ý hoàn lại một nửa giá trị cửa hàng cho ông K với số tiền là 250.000.000đ.**

8. Lợi nhuận từ việc kinh doanh cửa hàng quà lưu niệm XQ, tọa lạc tại số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang từ ngày 01/5/2020 đến 26/01/2021 là 1.215.000.000đ (một tỷ hai trăm mười lăm triệu đồng) như ông K trình bày là không đúng. Do dịch bệnh và tinh thần bà không ổn định từ việc ông K xin ly hôn nên việc kinh doanh không hiệu quả. Theo bà doanh thu mỗi ngày là 2.000.000đ, lãi 10%. Do dịch bệnh kéo dài không làm ăn được nên **bà không đồng ý chia lợi nhuận theo yêu cầu của ông K.**

Ngày 19/11/2021, bà Huỳnh Thị Ái Q có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng gồm:

1. Nhà, đất tọa lạc tại số 88 đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02269; thửa số 64; tờ bản đồ số 19; căn nhà gắn liền với diện tích 52,3m²; diện tích sàn 219,5m², do UBND thành phố LX cấp ngày 05/9/2014, mang tên Trần Duy K. Nhà, đất này do mẹ chồng cho hai vợ chồng từ năm 2004 nhưng ông Trần Duy K cố ý làm thủ tục đứng tên riêng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nên **bà yêu cầu chia đôi nhà đất này.**

2. Hai sổ tiết kiệm do ông Trần Duy K đứng tên:

- Sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG - Chi nhánh An Giang với số tiền là 1.573.000.000đ (một tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu đồng);

- Sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – HN - Chi nhánh An Giang với số tiền là 3.412.000.000đ (ba tỷ bốn trăm mười hai triệu đồng).

Tổng cộng 02 sổ tiết kiệm nêu trên là 4.985.000.000đ (bốn tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu đồng), **bà yêu cầu chia đôi và yêu cầu chia tiền lãi đối với số tiền của hai sổ tiết kiệm trên.**

3. Đối với chứng thư thẩm định giá ngày 30/5/2022 của Công ty thẩm định giá Đông Á định giá tài sản nhà đất của vợ chồng mà ông K cung cấp thì bà chỉ thống nhất giá đối với xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K giá trị là 466.563.000đ và xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 giá trị là 45.514.000đ còn giá trị nhà đất thì bà không thống nhất. Bà thống nhất giá trị nhà, đất theo chứng thư ngày 29/6/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Trị Việt mà bà đã cung cấp cho Tòa án. Bà thống nhất với bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh An Giang lập ngày 06/10/2020.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông K rút yêu cầu đòi chia lợi nhuận kinh doanh từ cửa hàng XQ, bà Q rút yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà số 88, NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số: 130/2022/HNGĐ-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 177, Điều 217, Điều 227, Điều 244, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, 106, 107, 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 29, 33, 34, 35, 38, 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Xuân Q1, sinh ngày 19/5/1996 đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung:

Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của ông K đối với việc ông K yêu cầu chia lợi nhuận của cửa hàng XQ.

Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Huỳnh Thị Ái Q đối với yêu cầu chia nhà, đất số 88 đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn ông Trần Duy K và chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn bà Huỳnh Thị Ái Q về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ái Q về việc xem xét chia đôi tiền lãi phát sinh đối với số tiền 432.000.000đ (bốn trăm ba mươi hai triệu đồng).

Chia tài sản chung gồm:

- 01 Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K với giá trị là 466.563.000đ (bốn trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 mang tên Trần Duy K, với giá trị là 45.514.000đ (bốn mươi lăm triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng).

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Ý, biển số 67P1-8131 mang tên Huỳnh Thị Ái Q, hiện do bà Q đang quản lý sử dụng với giá trị là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

- Giá trị Cửa hàng kinh doanh quà lưu niệm tên XQ. Tọa lạc tại số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang trị giá là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

- Hai sổ tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – chi nhánh An Giang do bà Huỳnh Thị Ái Q đứng tên gồm: Sổ tiết kiệm số 08781940004 số tiền là 600.000.000đ. Sổ tiết kiệm số 08781940003 số tiền 5.100.000.000đ với tiền lãi ngày 20/7/2022 là 899.046.236đ (tám trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng). Tổng cộng là 6.599.046.236đ (sáu tỷ năm trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng).

- Số tiền từ hai sổ tiết kiệm của ông K đang giữ là 3.130.000.000đ (ba tỷ một trăm ba mươi triệu đồng).

- Căn hộ chung cư mã căn hộ: OP1-19.07, tại tầng 19 thuộc Dự án khu phức hợp Văn phòng Thương mại, Dịch vụ, Officetel và Căn hộ tại số 130 - 132 HH, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích sử dụng 76,1m²; diện tích xây dựng 82,72m², do ông K đứng tên trị giá là 5.100.000.000đ (năm tỷ một trăm triệu đồng).

- Nhà, đất tọa lạc tại số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000669, diện tích sàn 319.50m² (phần phát sinh thêm chưa được cấp giấy với diện tích xây dựng là 26.7m²), do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01419bA; thửa số 42; tờ bản đồ số 19; với diện tích 65,7m², do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q với

giá trị là 18.612.984.000đ (mười tám tỷ sáu trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản là: 34.544.107.236đ (ba mươi bốn tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu một trăm lẻ bảy nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng). Ông K, bà Q mỗi người được nhận hiện vật và giá trị tương đương số tiền là 17.272.053.618đ (mười bảy tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn sáu mươi tám đồng).

[3.1.] Giao cho ông Trần Duy K các tài sản gồm:

01 Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K với giá trị là 466.563.000đ.

01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 mang tên Trần Duy K, với giá trị là 45.514.000đ.

Giao cho ông K căn hộ chung cư mã căn hộ: OP1-19.07, tại tầng 19 thuộc Dự án khu phức hợp Văn phòng Thương mại, Dịch vụ, Officetel và Căn hộ tại số 130 - 132 HH, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích sử dụng 76,1m²; diện tích xây dựng 82,72m², do ông K đứng tên với giá trị là 5.100.000.000đ.

Ông K được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật.

Về tiền: ông K được nhận số tiền 3.130.000.000đ (số tiền này ông K đang giữ).

Giá trị tài sản và tiền mà ông K được nhận là 8.742.077.000đ (tám tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Đồng thời ông K còn được nhận thêm phần giá trị chênh lệch mà bà Q có nghĩa vụ hoàn lại cho ông, do bà Q nhận tài sản có giá trị cao hơn ông K với số tiền là 8.529.976.618đ (tám tỷ năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm mười tám đồng) như phần quyết định dưới đây.

[3.2.] Giao cho bà Huỳnh Thị Ái Q các tài sản gồm:

01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Ý, biển số 67P1-8131 mang tên Huỳnh Thị Ái Q, với giá trị là 90.000.000đ.

Giao cho bà Huỳnh Thị Ái Q được quyền sử dụng căn nhà với diện tích sàn sử dụng của căn nhà bằng 319,5m² (phần phát sinh thêm chưa được cấp giấy với diện tích xây dựng là 26.7m²), đã được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 898833028000669 ngày 12/02/2009 cho ông Trần Duy K, bà Huỳnh Thị Ái Q có kết cấu: Nền gạch men, khung bê tông cốt thép, vách gạch, sàn lửng; sàn lầu 1, 2, 3 bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép gắn liền với phần đất có diện tích đất 65,7m² được giới hạn bởi các điểm 17, 18, 19, 20 (theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh LX lập ngày 06/10/2020 thuộc thửa số 62; tờ bản đồ số 19; với diện tích 65,7m², do UBND thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01419bA, ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái

Q). Nhà, đất có tổng giá trị là 18.612.984.000đ (mười tám tỷ sáu trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

(Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 06/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX là một phần không thể tách rời của Bản án).

Bà Huỳnh Thị Ái Q có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chỉnh lý biên động quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

- Về giá trị và tiền:

Hai sổ tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – chi nhánh An Giang do bà Huỳnh Thị Ái Q đứng tên gồm: Sổ tiết kiệm số 08781940004 số tiền là 600.000.000đ. Sổ tiết kiệm số 08781940003 số tiền 5.100.000.000đ với tiền lãi ngày 20/7/2022 là 899.046.236đ. Tổng cộng 6.599.046.236đ.

Giá trị cửa hàng kinh doanh quà lưu niệm tên XQ. Tọa lạc tại số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản và tiền mà bà Q được nhận là: 25.802.030.236đ (hai mươi lăm tỷ tám trăm lẻ hai triệu không trăm ba chục nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng) nên bà Q có trách nhiệm hoàn lại cho ông K số tiền chênh lệch là: 25.802.030.236đ – 17.272.053.618đ = 8.529.976.618đ (tám tỷ năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm mười tám đồng) làm tròn là 8.529.976.000đ (tám tỷ năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Ông K tạm ứng các chi phí tố tụng với số tiền 61.872.640đ (sáu mươi một triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) gồm: chi phí đo đạc, thẩm định, định giá 9.977.640đ; chi phí chứng thư ông K cung cấp là 51.895.000đ.

Bà Q tạm ứng chi phí chứng thư bà Q cung cấp 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Tổng cộng các chi phí tố tụng là 79.872.640đ. Chi phí này sẽ được chia đôi mỗi người chịu 39.936.320đ. Do ông K đã tạm ứng là 61.872.640 nên bà Q có nghĩa vụ hoàn lại cho ông K số tiền là 61.872.640 - 39.936.320đ = 21.936.320đ (làm tròn 21.936.000đ).

[5] Về án phí: Bà Q phải chịu 126.622.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0000711 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX nên bà Q còn phải nộp thêm án phí là 77.622.000đ (bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Ông K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản ông K được nhận là 124.822.000đ (bảy mươi hai triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào 59.300.000đ (năm mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002985 ngày 14/5/2020; 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007778 ngày 12/11/2020; 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009320 ngày 26/01/2021; 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002129 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX mà ông K đã nộp. Ông K còn phải nộp 2.122.000đ (hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

[6] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản tại ngân hàng đối với số tiền 5.100.000.000đ để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

Ông Trần Duy K được nhận lại tiền đã nộp biện pháp bảo đảm và lãi nếu có tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh An Giang theo chứng từ giao dịch bảo đảm thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số tài khoản 701300081039 ngày 15/5/2020.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/8/2022 bị đơn bà Huỳnh Thị Ái Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể bà Q yêu cầu được chia 2/3 giá trị tài sản chung để bà nuôi con chung; Yêu cầu tòa phúc thẩm xem xét lại số tiền 1.855.000.000 đồng ông K rút tiền trong khối tài sản chung để sử dụng riêng cá nhân ông; Yêu cầu xem xét lại

giá trị nhà, đất số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có diện tích sàn 319.50m² (giá trị quá cao), ngoài ra không kháng cáo các nội dung khác của án sơ thẩm. Nguyên đơn ông K không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Q xác định giữ nguyên phần nội dung kháng cáo đó là:

- Về quan hệ hôn nhân: ông K cương quyết ly hôn thì bà cũng không có ý kiến gì thêm;

- Về tài sản chung: bà yêu cầu được chia 2/3 tổng giá trị tài sản chung để bà nuôi con chung; Yêu cầu tòa phúc thẩm xem xét lại số tiền 1.855.000.000 đồng ông K rút tiền trong khối tài sản chung để sử dụng riêng cá nhân ông để chia lại cho bà; Yêu cầu xem xét lại giá trị nhà, đất số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang 05 (năm) tầng diện tích sàn 319.50m² là 16.000.000.000 đồng (đối với tài sản chung nhà, đất này bà với ông K thống nhất giá 16.000.000.000 đồng, nên yêu cầu tòa phúc thẩm căn cứ giá này để xét xử), bà thống nhất kết quả định giá đối với các tài sản chung khác do án sơ thẩm xác định xét chia tài sản chung.

Bà Q cung cấp chứng cứ mới là Hợp đồng kinh tế năm 2017 bà đầu tư tài chính để thông một số tầng của 02 căn nhà 05 tầng là nhà số 88, số 90 tại phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang trong thời kỳ hôn nhân để thuận lợi cho việc kinh doanh, sinh hoạt chung trong gia đình, tổng chi phí đầu tư là 1.648.509.335 đồng, nên bà yêu cầu ông K phải có trách nhiệm đối với số tiền này đối với bà, nếu ông K đồng ý hoàn trả cho bà 400.000.000 đồng trong số tiền 1.648.509.335 đồng thì sau khi án phúc thẩm tuyên án bà không tranh chấp gì thêm đối với số tiền 1.648.509.335 đồng;

Yêu cầu tòa phúc thẩm có xem xét khoản lãi theo pháp luật đối với số tiền ông K quản lý 3.130.000.000 đồng trong số tiền 4,9 tỷ do ông K đã rút quản lý riêng trước khi gửi đơn ly hôn với bà 02 ngày, bà không kháng cáo các nội dung khác của án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Q tại tòa phúc thẩm cho rằng, nội dung kháng cáo của bà Q là có căn cứ bởi lẽ ông K thừa nhận tự rút tiền là tài sản chung của vợ chồng 1.855.000.000 đồng trong 02 sổ tiết kiệm 4,9 tỷ do ông K quản lý cá nhân trong thời gian vợ chồng làm thủ tục ly hôn từ tháng 5/2020, không chi sinh hoạt chung cho gia đình, nên ông K phải hoàn trả cho bà Q ½ số tiền 1.855.000.000 đồng cho bà Q, về tài sản chung đề nghị tòa phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của ông K bà Q thống nhất trị giá nhà, đất số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX 05 (năm) tầng diện tích sàn 319.50m² giá 16.000.000.000 đồng theo biên bản ngày 13/4/2023 để điều chỉnh tổng giá trị tài sản chung để xét xử, đề nghị Tòa phúc thẩm chia cho bà Q 2/3 tổng giá trị tài sản chung, công nhận các nội dung thỏa thuận của bà Q ông K tại biên bản ngày 13/4/2023, công nhận việc ông K tự nguyện hoàn tiền đầu tư thông tầng nhà ở

(nhà số 88, 90 phường ML, thành phố LX) số tiền 400.000.000 đồng cho bà Q theo sự đồng ý của bà Q, để sửa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Q.

Ông K thừa nhận có rút số tiền 1.855.000.000 đồng (trong 02 sổ tiết kiệm trị giá 4,9 tỷ do ông quản lý là tài sản chung của vợ chồng để chi cho cá nhân ông trong thời gian ly thân, chờ giải quyết ly hôn như bà Q khai là có thật, song ông không đồng ý hoàn lại $\frac{1}{2}$ số tiền này cho bà Q, số tiền còn lại 3.130.000.000 đồng trong số tiền 4,9 tỷ ông đã rút quản lý riêng (nên không phát sinh lãi tại ngân hàng) số tiền 3.130.000.000 đồng án sơ thẩm đã chia đôi cho ông với bà Q, nên ông đề nghị tòa án xét xử nội dung này theo pháp luật, ông thống nhất toàn bộ nội dung ông với bà Q tự nguyện thỏa thuận theo biên bản làm việc ngày 13/4/2023 (trong đó có trị giá tài sản nhà, đất số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX 05 (năm) tầng, ông đồng ý giá 16.000.000.000 đồng) để chia tài sản chung ở cấp phúc thẩm; ông đề nghị tòa phúc thẩm công nhận nội dung thỏa thuận của ông với bà Q tại biên bản thỏa thuận ngày 13/4/2023, ông K thống nhất kết quả định giá đối với các tài sản chung khác do án sơ thẩm xác định xét chia tài sản chung, ngoài ra không yêu cầu gì khác, ông không bổ sung thêm chứng cứ mới, ông thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có đầu tư tài chính để thông một số tầng của 02 căn nhà 05 tầng là nhà số 88, số 90 tại phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang trong thời kỳ hôn nhân để thuận lợi cho việc kinh doanh, sinh hoạt chung trong gia đình, tổng chi phí đầu tư là 1.648.509.335 đồng là có trong thực tế, nhưng thực tế số tiền bao nhiêu ông không nhớ, nay ông tự nguyện hoàn trả cho bà Q 400.000.000 đồng tiền đầu tư trong số tiền 1.648.509.335 đồng (thông tầng nhà, đất số 88 phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu của ông).

Luật sư B là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông K trình bày: đối với số tiền 1.855.000.000 đồng ông K đã thừa nhận là tài sản chung, ông K thừa nhận tự rút số tiền này để sử dụng cho cá nhân ông trong thời gian ly thân, chờ giải quyết ly hôn như bà Q khai là có thật, nhưng trong thời gian vợ chồng ly thân ông ra ngoài sinh sống ở nhà thuê nên đã tiêu xài hết số tiền trên, đây là nhu cầu cần thiết, nên đề nghị tòa phúc thẩm có xem xét lại cho ông K, cả nội dung ông K với bà Q tự nguyện thỏa thuận tại biên bản làm việc ngày 13/4/2023 (trong đó có trị giá tài sản nhà, đất số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang 05 (năm) tầng là 16 tỷ) là tự nguyện đúng pháp luật, nên đề nghị tòa phúc thẩm công nhận thỏa thuận này của các đương sự, việc bà Q yêu cầu chia $\frac{2}{3}$ giá trị tài sản chung, Luật sư của bà Q đề nghị chia cho bà Q $\frac{2}{3}$ giá trị tài sản chung là không phù hợp pháp luật, nên đề nghị tòa phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tranh luận lại ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông K, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Q cho rằng, ông K sử dụng không đúng mục đích tài sản chung số tiền 1.855.000.000 đồng như ông K thừa nhận nên ông K phải chịu trách nhiệm số tiền này với bà Q vì đây là tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông K, bà Q cùng xác định không yêu cầu thay đổi hay hoán đổi quyền quản lý các tài sản chung (nhà, đất, xe ô tô, xe mô tô)

như án sơ thẩm đã tuyên. Ông K, bà Q thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ổn định việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản chung cho ông K bà Q như án sơ thẩm đã tuyên xử, chỉ xem xét lại nội dung hoàn chênh lệch giá trị tài sản chung để chia cho các bên đối với phần giá trị được nhận theo quy định. Ông K, bà Q thống nhất theo các nội dung thỏa thuận tại biên bản ngày 13/4/2023 tại cấp phúc thẩm, nên đề nghị Tòa phúc thẩm công nhận nội dung thỏa thuận này, công nhận sự tự nguyện của ông K hoàn trả chi phí đầu tư thông tầng nhà số 88, 90 tại đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang là phù hợp với pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- **Việc tố tụng:** Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- **Về nội dung:** căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nội dung trình bày, yêu cầu của ông K, bà Q tại phiên tòa phúc thẩm, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Q, sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà Q hưởng 1/2 giá trị của 02 sổ tiết kiệm trị giá 4,9 tỷ do ông K quản lý số tiền 4,9 tỷ và lãi suất theo quy định, chia 6/4 giá trị thương hiệu trị giá 500.000.000 đồng của cửa hàng XQ cho bà Q, xem xét lại trách nhiệm của ông K đối với số tiền 1.855.000.000 đồng ông K sử dụng riêng trong khi ly thân cho phù hợp thực tế, xem xét giá trị tài sản chung của ông K bà Q để chia tài sản chung cho các đương sự theo quy định của pháp luật, xử lý án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến các đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa sơ thẩm tuyên án ngày 25/7/2022, ngày 04/8/2022 trong hạn luật định bà Q kháng cáo một phần án sơ thẩm về tài sản chung và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, kháng cáo của bà Q là hợp lệ, nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bà Q kháng cáo yêu cầu được chia 2/3 tổng giá trị tài sản chung để bà có điều kiện nuôi con chung; Yêu cầu tòa phúc thẩm xem xét lại số tiền 1.855.000.000 đồng là tài sản chung nhưng ông K lại rút tiền sử dụng riêng trong thời ly thân, bà yêu cầu ông K hoàn lại cho bà 1/2 số tiền 1.855.000.000 đồng; Yêu cầu xác định giá trị nhà, đất số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có diện tích sàn 319.50m² (giá trị sơ thẩm xác định theo chứng thư định giá 18.612.984.000 đồng là cao) là 16.000.000.000 đồng như bà với ông K thỏa thuận tại biên bản làm

việc ngày 13/4/2023 tại cấp phúc thẩm để xét xử phúc thẩm, ngoài ra không kháng cáo các nội dung khác của án sơ thẩm đã tuyên, nên Hội đồng xét xử chỉ xét xử nội dung bà Q kháng cáo, các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông K, bà Q đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm công nhận toàn bộ nội dung do ông K với bà Q tự nguyện thỏa thuận theo biên bản làm việc ngày 13/4/2023 tại cấp phúc thẩm, nội dung đã thỏa thuận đó là: Việc đầu tư tài chính xây tường là vách ngăn phân định vách tường độc lập 02 căn nhà từ tầng trệt đến tầng 05 của căn nhà số 88, số 90 gắn liền diện tích đất ở (hai căn nhà có việc thông tầng); nhà, đất này tọa lạc tại số 88, 90, đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang thì các bên tự nguyện thực hiện nội dung như sau:

- Ông K tự chịu mọi chi phí tài chính xây tường làm vách ngăn phân định vách độc lập của căn nhà số 88, tự điều chỉnh công năng sử dụng từ tầng 1 đến tầng 5 của phần nhà, đất số 88, nhà, đất này tọa lạc tại số 88, đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang (căn nhà thuộc tài sản của ông K).

- Bà Q tự chịu mọi chi phí tài chính xây tường làm vách ngăn phân định vách độc lập của căn nhà số 90, tự điều chỉnh công năng sử dụng căn nhà từ tầng 1 đến tầng 5 phần nhà, đất số 90, nhà đất này tọa lạc tại số 90, đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Ông K đồng ý giao nhà, đất số 90 này đủ 05 tầng cho bà Q trọn quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất “án sơ thẩm tuyên thiếu tầng” nhà, đất số 90, nhà đất này tọa lạc tại số 90, đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Ông K bà Q cùng thống nhất giá trị tài sản chung nhà, đất của căn nhà số 90, đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang trị giá là 16.000.000.000 đồng để làm căn cứ chia tài sản chung tại cấp phúc thẩm (giảm 2.612.984.000 đồng so với cấp sơ thẩm chia tài sản chung, do ông K, bà Q thỏa thuận ngày 13/4/2023 tại cấp phúc thẩm).

[2.2] Các phần nội dung khác của bản án sơ thẩm đã tuyên bà Q, ông K không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét, các phần nội dung này của bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.3] Về nội dung án sơ thẩm tuyên giao quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản chung cho ông K bà Q (buộc bà Q hoàn tiền chênh lệch giá trị tài sản chung cho ông K), tại phiên tòa phúc thẩm ông K bà Q không yêu cầu thay đổi hay hoán đổi quyền quản lý các tài sản chung như cấp sơ thẩm đã tuyên, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét, cần ổn định quyền quản lý, sử dụng tài sản chung như án sơ thẩm đã tuyên, chỉ xem xét lại tổng giá trị tài sản chung để xét xử, xem xét tỷ lệ giá trị tài sản chung của bà Q yêu cầu chia tỷ lệ 2/3; xem

xét số tiền 1.855.000.000 đồng là tài sản chung do ông K sử dụng riêng cho ông K trong thời gian ly thân như ông K thừa nhận tại tòa phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Q về yêu cầu tài sản chung, Hội đồng xét xử nhận thấy; Tại phiên tòa phúc thẩm ông K, bà Q thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K với giá trị là 466.563.000 đồng.

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 mang tên Trần Duy K, với giá trị là 45.514.000 đồng.

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Ý, biển số 67P1-8131 mang tên Huỳnh Thị Ái Q, hiện do bà Q đang quản lý sử dụng với giá trị là 90.000.000 đồng.

- Giá trị Cửa hàng kinh doanh quà lưu niệm tên XQ. Tọa lạc tại số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang trị giá là 500.000.000 đồng.

- Hai sổ tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – chi nhánh An Giang do bà Huỳnh Thị Ái Q đứng tên gồm: Sổ tiết kiệm số 08781940004 số tiền là 600.000.000đ. Sổ tiết kiệm số 08781940003 số tiền 5.100.000.000đ với tiền lãi ngày 20/7/2022 là 899.046.236đ (tám trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng). Tổng cộng là 6.599.046.236 đồng.

- Số tiền từ hai sổ tiết kiệm của ông K đang giữ là 3.130.000.000 đồng.

- Căn hộ chung cư mã căn hộ: OP1-19.07, tại tầng 19 thuộc Dự án khu phức hợp Văn phòng Thương mại, Dịch vụ, Officetel và Căn hộ tại số 130 - 132 HH, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích sử dụng 76,1m²; diện tích xây dựng 82,72m², do ông K đứng tên trị giá là 5.100.000.000 đồng.

- Nhà, đất tọa lạc tại số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000669, diện tích sàn 319.50m² (phần phát sinh thêm chưa được cấp giấy với diện tích xây dựng là 26.7m²), do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01419bA; thửa số 42; tờ bản đồ số 19; với diện tích 65,7m², do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q với giá trị là **18.612.984.000đ** (án sơ thẩm tính giá trị chia tài sản chung), nay ông K và bà Q thống nhất giá trị tài sản nhà, đất này là 16.000.000.000 tỷ là căn cứ để tòa phúc thẩm chia tài sản chung.

Tổng giá trị tài sản chung của ông K và bà Q thống nhất yêu cầu chia tài sản chung cho ông K, bà Q là 31.931.123.236 đồng (34.544.107.236 đồng - 2.612.984.000 đồng = 31.931.123.236 đồng (giảm 2.612.984.000 đồng so với án sơ thẩm xét xử chia tài sản chung)).

[3.1] Tất cả giá trị tài sản chung của ông K, bà Q liệt kê phần trên là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định phải chia 02 theo

quy định, tuy nhiên xét hoàn cảnh, điều kiện thực tế của ông K, bà Q, Hội đồng xét xử thấy rằng;

Hiện ông K ổn định về cuộc sống, về kinh tế, bà Q còn phải nuôi con chung là cháu XQ, tuy cháu XQ đã trưởng thành nhưng không có nghề nghiệp độc lập, không có thu nhập riêng để nuôi sống bản thân, phải sống phụ thuộc vào bà Q (sự kiện pháp lý này được ông K bà Q xác nhận tại tòa phúc thẩm), theo đó bản thân bà Q bệnh Tim nặng, nay bà Q lại mắc bệnh hiểm nghèo (bị K bộ phận sinh dục), Bệnh viện phụ sản SG tại thành phố Hồ Chí Minh chỉ định phải điều trị, giải phẫu nên tốn kém rất nhiều tài chính là có trong thực tế, để tạo điều kiện cho bà Q có điều kiện điều trị bệnh, phẫu thuật, hậu phẫu thuật cao trong dài hạn, cũng như tạo điều kiện cho bà Q có điều kiện nuôi cháu XQ đang sống phụ thuộc với bà Q, nên cần xem xét chia cho bà Q 55% giá trị tài sản chung của số tiền 31.931.123.236 đồng (tương ứng số tiền bà Q được chia tài sản chung số tiền **17.562.117.779 đồng**); chia cho ông K 45% của số tiền 31.931.123.236 đồng (tương ứng số tiền ông Khánh được chia giá trị tài sản chung là **14.369.000.456 đồng**), đối chiếu giá trị tài sản chung xử giao cho ông K, bà Q để buộc bà Q hoàn tiền chênh lệch giá trị tài sản cho ông K là phù hợp với đạo đức và pháp luật.

Từ phân tích, nhận định trên cần chia tài sản chung cho ông K, bà Q theo giá trị của các Chứng thư định giá ngày 30/5/2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á do ông K cung cấp; Chứng thư định giá ngày 29/6/2022 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Trị Việt do bà Q cung cấp; Theo biên bản tự nguyện thỏa thuận giữa ông K bà Q về giá tài sản lập ngày 13/4/2023, Điều 17 thông tư liên tịch số: 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp - Bộ tài chính và sự thỏa thuận của ông K và bà Q đối với căn nhà, đất số 90, đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang trị giá là 16.000.000.000 đồng để làm căn chia tài chung ở cấp phúc thẩm (giảm 2.612.984.000 đồng so với án sơ thẩm xác định chia tài sản chung được ông K bà Q thỏa thuận tại biên bản ngày 13/4/2023 tại cấp phúc thẩm), theo đó chia tài sản chung và giao tài sản chung cho ông K bà Q cụ thể như sau:

[3.2] Giao cho ông Trần Duy K được quyền sử dụng, quyền sở hữu các tài sản gồm:

- 01 Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K với giá trị là 466.563.000đ.

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 mang tên Trần Duy K, với giá trị là 45.514.000 đồng.

- Giao cho ông K căn hộ chung cư mã căn hộ: OP1-19.07, tại tầng 19 thuộc Dự án khu phức hợp Văn phòng Thương mại, Dịch vụ, Officetel và Căn hộ tại số 130 - 132 HH, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích sử dụng 76,1m²; diện tích xây dựng 82,72m², do ông K đứng tên với giá trị là 5.100.000.000 đồng.

- Ông K được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật.

- Về tiền đồng Việt Nam: ông K được nhận số tiền 3.130.000.000đ (số tiền này hiện do ông K đang giữ).

Tổng giá trị tài sản và tiền đồng Việt Nam ông K được chia giá trị tài sản chung là 14.369.000.456 đồng, tài sản chung ông K được nhận là 8.742.077.000đ, nên ông K còn được nhận thêm phần giá trị chênh lệch tài sản chung số tiền 5.626.978.456 đồng, bà Q có nghĩa vụ hoàn lại cho ông K số tiền 5.626.978.456 đồng tiền chênh lệch chia tài sản chung.

[3.3] Giao cho bà Huỳnh Thị Ái Q được quyền sử dụng, quyền sở hữu các tài sản gồm:

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Ý, biển số 67P1-8131 mang tên Huỳnh Thị Ái Q, với giá trị là 90.000.000 đồng.

- Giao cho bà Huỳnh Thị Ái Q được quyền sử dụng nhà, đất số 90, tọa lạc tại đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang diện tích sàn sử dụng của căn nhà bằng 319,5m² (phần phát sinh thêm chưa được cấp giấy với diện tích xây dựng là 26.7m²), đã được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 898833028000669 ngày 12/02/2009 cho ông Trần Duy K, bà Huỳnh Thị Ái Q có kết cấu: Nền gạch men, khung bê tông cốt thép, vách gạch, sàn lửng; sàn lầu 1, 2, 3, 4, 5 bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép gắn liền với phần đất có diện tích đất 65,7m² được giới hạn bởi các điểm 17, 18, 19, 20 (theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh LX lập ngày 06/10/2020 thuộc thửa số 62; tờ bản đồ số 19; với diện tích 65,7m², do UBND thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01419bA, ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q). Nhà, đất có tổng giá trị là **16.000.000.000 đồng** (theo sự tự nguyện thỏa thuận lại giá trị nhà, đất này của ông K, bà Q tại biên bản ngày 13/4/2023).

(Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 06/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX là một phần không thể tách rời của Bản án).

- Bà Huỳnh Thị Ái Q có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

- Về giá trị sổ tiết kiệm và tiền đồng Việt Nam: hai sổ tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – chi nhánh An Giang do bà Huỳnh Thị Ái Q đứng tên gồm: Sổ tiết kiệm số 08781940004 số tiền là 600.000.000 đồng. Sổ tiết kiệm số 08781940003 số tiền 5.100.000.000đ với tiền lãi ngày 20/7/2022 là 899.046.236 đồng. Tổng cộng 6.599.046.236 đồng.

- Giá trị cửa hàng kinh doanh quà lưu niệm tên XQ. Tọa lạc tại số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang là **500.000.000 đồng**.

Tổng giá trị tài sản chung bà Q được chia là số tiền 17.562.117.779 đồng, nhưng bà Q được nhận giá trị tài sản chung và tiền đồng Việt Nam tổng số tiền là 23.189.046.234 đồng; nên bà Q có trách nhiệm hoàn lại cho ông K số tiền chênh lệch tài sản chung được chia là 5.626.978.4567 đồng (ông K được chia giá trị tài sản chung là 14.369.000.456 đồng, nhưng ông K thực nhận giá trị tài sản chung 8.742.077.000 đồng, (ông K được chia 14.369.000.456 đồng – giá trị tài sản thực nhận 8.742.077.000 đồng = 5.626.978.456 đồng).

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Q đối với số tiền 1.855.000.000đ và yêu cầu tính lãi của số tiền 3.130.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng;

Tại phiên tòa phúc thẩm ông K thừa nhận có rút số tiền 1.855.000.000 đồng (trong 02 sổ tiết kiệm trị giá 4,9 tỷ do ông quản lý là tài sản chung của vợ chồng) để chi cho cá nhân ông trong thời gian ly thân, chờ giải quyết ly hôn như bà Q khai là có thật, song ông không đồng ý hoàn lại 2/3 số tiền này cho bà Q, số tiền còn lại 3.130.000.000 đồng trong số tiền 4,9 tỷ ông đã rút quản lý riêng (nên không phát sinh lãi tại ngân hàng) số tiền 3.130.000.000 đồng án sơ thẩm đã chia đôi cho ông với bà Q, riêng số tiền 1.855.000.000 đồng ông K chi vào việc thuê phòng ở (phòng có sao nên giá khá cao), chi sinh hoạt hàng ngày, tương ứng mỗi ngày khoảng 1.500.000 đồng, nên số tiền 1.855.000.000 đồng ông đã sử dụng hết, bà Q khai 1.855.000.000đ là tài chung của vợ chồng trong các sổ tiết kiệm, nhưng ông K tự rút tiền này để sử dụng riêng cá nhân ông K trong thời gian ly thân, ông K không có chứng minh chi số tiền trên chung cho gia đình, nên ông K phải hoàn lại cho bà 2/3 giá trị số tiền 1.855.000.000 đồng,

Hội đồng xét xử nhận thấy: việc ông K rút số tiền 1.855.000.000 đồng là tài sản chung của ông K bà Q để chi cho cá nhân trong thời gian ly thân với bà Q hơn 2 năm là có trong thực tế, nhưng chi phí chung cho ông K mỗi ngày 1.500.000 đồng là khá cao so với sinh hoạt chung, nên không có căn cứ chấp nhận việc ông K sử dụng số tiền 1.855.000.000 đồng cho riêng ông trong thời gian ly thân là hợp pháp, tuy nhiên trong thời gian ly thân việc chi cho cuộc sống sinh hoạt riêng của ông K là nhu cầu thiết yếu là có trong thực tế, nên cần chấp nhận cho ông K chi cho cá nhân trong thời gian ly thân số tiền 855.000.000 đồng là hợp lý (vì mặt bằng chung chi sinh hoạt cho một người/ 1 ngày tại địa bàn tỉnh An Giang không cao), do đó, việc bà Q yêu cầu ông K chia 2/3 giá trị của số tiền 1.855.000.000 đồng cho bà Q là không có căn cứ, bởi lẽ ông K trước đây ông K yêu cầu bà Q chia lợi nhuận từ việc kinh doanh của cửa hàng XQ (mỗi ngày 2.000.000 đồng), nhưng sau đó ông K đã rút yêu cầu này nên có lợi cho bà Q. Do đó, chỉ cần buộc ông K hoàn lại cho bà Q 500.000.000 đồng là đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Xét yêu cầu của bà Q yêu cầu tính lãi đối với số tiền 3.130.000.000 đồng trong 02 sổ tiết kiệm trị giá 4.900.000.000đ do ông K quản lý (1.855.000.000 đồng bà Q kháng cáo, 3.130.000.000 đồng án sơ thẩm chia cho ông K bà Q), Hội đồng xét xử thấy;

Yêu cầu này của bà Q không có căn cứ bởi lẽ; Thực tế tổng số tiền 4.900.000.000đ trong 02 sổ tiết kiệm, ông K đã rút hết số tiền này tại Ngân hàng

trước khi gửi đơn xin ly hôn với bà Q, số tiền 4.900.000.000đ ông K quản lý tiền chi tiêu một phần cho cá nhân trong thời gian ly thân chờ Tòa án giải quyết vụ án hết 1.855.000.000 đồng (được chấp nhận 855.000.000đ), số còn lại 3.130.000.000 đồng án sơ thẩm xác định ông K quản lý nên chia cho ông K bà Q mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền 3.130.000.000 đồng, như vậy số tiền trên thực tế số tiền 4.900.000.000đ không còn gửi tại Ngân hàng trước khi tòa sơ thẩm thụ lý vụ án xin ly hôn của ông K với bà Q, nên không phát sinh lãi tiền gửi tại Ngân hàng đối với số tiền 4.900.000.000đ, do đó, không có căn cứ tính lãi đối với số tiền này cho bà Q như bà Q yêu cầu, nên bác yêu cầu bà Q đòi chia tiền lãi đối với số tiền 3.130.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Q cung cấp chứng cứ mới là Hợp đồng kinh tế năm 2017 kèm theo phiếu chi do chính bà đầu tư tài chính để thông một số tầng của 02 căn nhà 05 tầng là nhà số 88, số 90 tại phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang trong thời kỳ hôn nhân để thuận lợi cho việc kinh doanh, sinh hoạt chung cho gia đình, tổng chi phí đầu tư là 1.648.509.335 đồng, nên bà yêu cầu ông K phải có trách nhiệm đối với số tiền này đối với bà, nếu ông K đồng ý hoàn trả cho bà 400.000.000 đồng trong số tiền 1.648.509.335 đồng thì sau khi án phúc thẩm tuyên án bà không tranh chấp gì thêm đối với số tiền 1.648.509.335 đồng. Ông K xác định để thuận lợi cho việc kinh doanh, sinh hoạt chung cho gia đình trong thời kỳ hôn nhân, thì năm 2017 ông và bà Q có đầu tư tài chính để thông một số tầng của 02 căn nhà 05 tầng là nhà số 88, số 90 tại phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang là có thật, nhưng thực tế số tiền đầu tư bao nhiêu ông không nhớ, nay ông tự nguyện hoàn trả cho bà Q 400.000.000 đồng tiền đầu tư trong số tiền 1.648.509.335 đồng (thông tầng nhà, đất số 88 phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu của ông) như yêu cầu của bà Q, hai bên không tranh chấp gì đối với số tiền 1.648.509.335 đồng sau khi tuyên án phúc thẩm. Đây là sự tự nguyện không trái pháp luật, nên cần công nhận sự tự nguyện này của ông K và bà Q.

[6] Ông K, bà Q phải chịu án phí chia tài sản chung đối với số tiền theo giá trị tài sản được chia, cụ thể bà Q được chia tài sản chung trị giá số tiền 17.562.117.779 đồng; ông K được chia tài sản chung trị giá số tiền 14.369.055.456 đồng theo quy định pháp luật; ông K, bà Q mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tại cấp sơ thẩm, chi phí định tố tụng xem xét thẩm định, giá lại tài sản chung ở cấp phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Theo đó, khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ không đúng thực tế về hiện trạng nhà, đất số 88, số 90 tại đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang (hai căn liền kề nhau), bởi lẽ trong thời kỳ hôn nhân ông K, bà Q đã thực hiện việc thông tầng để thuận lợi cho kinh doanh, thuận lợi cho sinh hoạt chung của vợ chồng, hơn nữa khi xét xử giao tài sản nhà, đất số 90 tại đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang cho bà Q, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà Q được quyền sử dụng nhà, đất nêu trên, buộc bà Q trả phần chênh lệch giá trị tài sản chung cho ông K, nhưng lại tuyên thiếu tầng (chỉ tuyên 03 tầng); thực tế nhà, đất này là nhà

05 tầng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Q, đây là thiếu sót của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, tại phiên tòa phúc thẩm ông K bà Q đã thỏa thuận việc giao tài sản chung nhà, đất 05 tầng số 90 tại đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang cho bà Q trọn quyền sử dụng, nên cấp phúc thẩm cần sửa án nội dung này cho đúng quy định pháp luật và khả thi trong việc thi hành án.

Từ phân tích, nhận định trên nên sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Q, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông K bà Q tại biên bản ngày 13/4/2023 tại cấp phúc thẩm (nội dung tại biên này ông K, bà Q trình bày tại tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận tại biên bản làm việc ngày 13/4/2023), công nhận sự tự nguyện của ông K hoàn trả cho bà Q 400.000.000 đồng tiền đầu tư trong số tiền 1.648.509.335 đồng (thông tầng nhà, đất số 88 phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu của ông) như yêu cầu bà Q, hai bên không tranh chấp gì đối với số tiền 1.648.509.335 đồng sau khi tuyên án phúc thẩm, do sửa án sơ thẩm nên bà Q không phải chịu án phí phúc thẩm, bà Q được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm.

Các phần nội dung khác của bản án sơ thẩm đã tuyên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

1. Sửa Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số: 130/2022/HNGĐ-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ái Q.

3. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q theo các nội dung sau:

- Ông Trần Duy K tự chịu mọi chi phí tài chính để đầu tư xây tường làm vách ngăn phân định, vách độc lập, tự điều chỉnh công năng sử dụng từ tầng 1 đến tầng 5 đối với nhà, đất số 88; nhà, đất này gắn liền QSD đất diện tích 52,3m² (nhà ở có diện tích xây dựng 52,3m²; diện tích sàn 219,5m²), do UBND thành phố LX cấp ngày 05/9/2014 cho ông Trần Duy K tọa lạc tại số 88, đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang (căn nhà thuộc tài sản của ông K) với nhà, đất số 90, đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang được xử giao cho bà Huỳnh Thị Ái Q.

- Bà Huỳnh Thị Ái Q tự chịu mọi chi phí tài chính để đầu tư xây tường làm vách ngăn phân định vách độc lập của căn nhà, tự điều chỉnh công năng sử

dụng căn nhà từ tầng 1 đến tầng 5 đối với căn nhà, đất số 90; căn nhà, gắn liền diện tích đất 65,7m² (tổng diện tích sàn căn nhà là 319.50m²) đối với nhà, đất số 90, tọa lạc tại đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang với nhà, đất số 88, tại đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Trần Duy K; ông K đồng ý giao nhà, đất số 90 này đủ 05 tầng cho bà Q được quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với nhà, đất số 90, tại đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang để bà Huỳnh Thị Ái Q quản lý sử dụng.

- Ông K bà Q cùng thống nhất giá trị tài sản chung nhà, đất của căn nhà, đất số 90, đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang trị giá là **16.000.000.000 đồng** để làm căn cứ chia tài chung ở cấp phúc thẩm (giảm 2.612.984.000 đồng so với cấp sơ thẩm xác định chia tài sản chung).

4. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Trần Duy K với bà Huỳnh Thị Ái Q đối với chi phí đầu tư thông một số tầng của 02 căn nhà (nhà, đất số 88, số 90 tọa lạc tại đường NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang) đối với số tiền 1.648.509.335 đồng cụ thể như sau:

+ Ông Trần Duy K tự nguyện hoàn trả tiền chi phí đầu tư cho bà Huỳnh Thị Ái Q số tiền 400.000.000 đồng (trong số tiền 1.648.509.335 đồng).

+ Bà Huỳnh Thị Ái Q tự nguyện không tranh chấp, không khởi kiện đòi với số tiền 1.248.509.335 đồng (trong số tiền 1.648.509.335 đồng) đối với ông Trần Duy K sau khi đã nhận 400.000.000 đồng từ ông Trần Duy K giao.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 177, Điều 217, Điều 227, Điều 244, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, 106, 107, 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 29, 33, 34, 35, 38, 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Duy K được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ái Q.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Xuân Q1, sinh ngày 19/5/1996 đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động (hiện đang sống chung với bà Q).

[3] Về tài sản chung:

- Đình một phần yêu cầu chia tài sản chung của ông K đối với việc ông K yêu cầu chia lợi nhuận của cửa hàng XQ tọa lạc tại số 88, 90 đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Huỳnh Thị Ái Q đối với yêu cầu chia tài sản nhà, đất tọa lạc tại số 88 đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung nguyên đơn ông Trần Duy K; Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn bà Huỳnh Thị Ái Q về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ái Q về việc yêu cầu chia đôi tiền lãi phát sinh số tiền là 432.000.000 đồng của số tiền 3.100.000.000đ (tiền này do ông K đang quản lý).

[4] Xác định tài sản chung, giá trị tài sản chung của ông K bà Q, để chia cho ông K bà Q gồm:

- 01 Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K với giá trị là 466.563.000 đồng.

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 mang tên Trần Duy K, với giá trị là 45.514.000 đồng.

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Ý, biển số 67P1-8131 mang tên Huỳnh Thị Ái Q, hiện do bà Q đang quản lý sử dụng với giá trị là 90.000.000 đồng.

- Giá trị Cửa hàng kinh doanh quà lưu niệm tên XQ. Tọa lạc tại số 88, 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang trị giá là 500.000.000 đồng.

- Hai sổ tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – chi nhánh An Giang do bà Huỳnh Thị Ái Q đứng tên gồm: Sổ tiết kiệm số 08781940004 số tiền là 600.000.000đ. Sổ tiết kiệm số 08781940003 số tiền 5.100.000.000đ với tiền lãi ngày 20/7/2022 là 899.046.236đ (tám trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng). Tổng cộng là 6.599.046.236 đồng.

- Số tiền từ hai sổ tiết kiệm của ông K đang giữ là 3.130.000.000 đồng.

- Căn hộ chung cư mã căn hộ: OP1-19.07, tại tầng 19 thuộc Dự án khu phức hợp Văn phòng Thương mại, Dịch vụ, Officetel và Căn hộ tại số 130 - 132 HH, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích sử dụng 76,1m²; diện tích xây dựng 82,72m², do ông K đứng tên trị giá là 5.100.000.000 đồng.

- Nhà, đất tọa lạc tại số 90, đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000669, diện tích sàn 319.50m² (phần phát sinh thêm chưa được cấp giấy với diện tích xây dựng là 26.7m²), do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01419bA; thửa số 42; tờ bản đồ số 19; với diện tích 65,7m², do UBND thành phố LX cấp ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q trị giá 16.000.000.000 đồng (theo nội dung tự nguyện thỏa thuận của ông K, bà Q tại biên bản ngày 13/4/2023 do ông K, bà Q yêu cầu tại phiên tòa phúc thẩm).

Tổng giá trị tài sản chung là 31.931.123.236 đồng, đây là giá trị sản chung chia cho ông Trần Duy K, bà Huỳnh Thị Ái Q.

[5] Chia tài sản chung, giá trị tài sản chung cho ông Trần Duy K, bà Huỳnh Thị Ái Q, cụ thể như sau:

- Chia giá trị tài sản chung cho ông Trần Duy K số tiền 14.369.055.456 đồng (tương ứng 45% của số tiền 31.931.123.236 đồng là tổng giá trị tài sản chung).

- Chia giá trị tài sản chung cho bà Huỳnh Thị Ái Q tương ứng số tiền 17.562.117.779 đồng (tương ứng 55% của số tiền 31.931.123.236 đồng là tổng giá trị tài sản chung).

[5.1] Xử giao cho ông Trần Duy K trọn quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

- Giao 01 Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6 màu trắng, biển số 67A-042.21 mang tên Trần Duy K với giá trị là 466.563.000 đồng.

- Giao 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Việt Nam, biển số 67B1-24896 mang tên Trần Duy K, với giá trị là 45.514.000 đồng.

- Giao cho ông K được quyền sử dụng căn hộ chung cư mã căn hộ: OP1-19.07, tại tầng 19 thuộc Dự án khu phức hợp Văn phòng Thương mại, Dịch vụ, Officetel và Căn hộ tại số 130 - 132 HH, Phường 9, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh; diện tích sử dụng 76,1m²; diện tích xây dựng 82,72m², do ông K đứng tên với giá trị là 5.100.000.000 đồng.

- Tiền đồng Việt Nam: ông Trần Duy K được nhận số tiền 3.130.000.000 đồng (số tiền này hiện ông K đang giữ).

- Tổng giá trị tài sản, tiền đồng Việt nam ông K được chia là **8.742.077.000 đồng (tám tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).**

(Ông Trần Duy K được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật).

[5.2] Xử giao cho bà Huỳnh Thị Ái Q trọn quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

- Giao 01 Xe mô tô nhãn hiệu SH của Ý, biển số 67P1-8131 mang tên Huỳnh Thị Ái Q, với giá trị là 90.000.000 đồng.

- Giao cho bà Huỳnh Thị Ái Q được quyền sử dụng nhà, đất số 90 tọa lạc tại đường NT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000669, diện tích sàn 319.50m² (phần phát sinh thêm chưa được cấp giấy với diện tích xây dựng là 26.7m²) được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 898833028000669 ngày 12/02/2009 cho ông Trần Duy K, bà Huỳnh Thị Ái Q có kết cấu: Nền gạch men, khung bê tông cốt thép, vách gạch, sàn lửng; sàn lầu 1, 2, 3 bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép gắn liền với phần đất có diện tích đất 65,7m² được giới hạn bởi các điểm 17, 18, 19, 20 (theo bản trích đo hiện

trang khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh LX lập ngày 06/10/2020 thuộc thửa số 62; tờ bản đồ số 19; với diện tích 65,7m², do UBND thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01419bA, ngày 12/01/2009, cho ông Trần Duy K và bà Huỳnh Thị Ái Q). Nhà, đất có tổng giá trị là 16.000.000.000đ.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 06/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX là một phần không thể tách rời của Bản án).

- Về giá trị tiền đồng Việt Nam:

+ Hai Sổ tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SG – chi nhánh An Giang do bà Huỳnh Thị Ái Q đứng tên gồm: Sổ tiết kiệm số 08781940004 số tiền là 600.000.000đ; Sổ tiết kiệm số 08781940003 số tiền 5.100.000.000đ với tiền lãi đến ngày 20/7/2022 là 899.046.236 đồng.

+ Giá trị cửa hàng kinh doanh quà lưu niệm tên XQ, tọa lạc tại số 90 NT, Khóm 2, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang là 500.000.000 đồng.

+ Tổng giá trị tài sản và tiền mà bà Q được chia là: **23.189.046.236 đồng (hai mươi ba tỷ một trăm tám mươi chín triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng).**

(Bà Huỳnh Thị Ái Q có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật).

[5.3] Bà Huỳnh Thị Ái Q có trách nhiệm hoàn lại tiền chênh lệch về giá trị tài sản chung được chia cho ông Trần Duy K nhận số tiền **5.626.978.456 đồng (năm tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng).**

[5.4] Buộc ông Trần Duy K phải hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Ái Q số tiền 500.000.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm:

- Ông K tạm ứng các chi phí tố tụng tổng số tiền 61.872.640 đồng gồm: chi phí đo đạc, thẩm định, định giá 9.977.640 đồng; chi phí chứng thư định giá tài sản ông K cung cấp 51.895.000 đồng.

- Bà Q tạm ứng chi phí định giá tài sản theo chứng thư định giá do bà Q cung cấp 18.000.000 đồng.

- Tổng cộng các chi phí tố tụng là 79.872.640 đồng (61.872.640 đồng + 18.000.000 đồng); ông K, bà Q mỗi người phải chịu ½ số tiền 79.872.640 đồng tương ứng số tiền 39.936.320 đồng.

- Do ông K đã nộp tạm ứng đủ số tiền 61.872.640 đồng, bà Q đã tạm ứng đủ số tiền 18.000.000đ, nên bà Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông K số tiền là **21.936.320 đồng (39.936.320đ - 18.000.000đ = 21.936.320 đồng).**

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí chia tài sản chung:

- Bà Q phải chịu 125.562.118 đồng án phí chia tài sản chung, nhưng được khấu trừ vào 58.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0000711 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, nên bà Q còn phải nộp án phí là **67.562.118 đồng**.

- Ông K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 122.369.055 đồng án phí chia tài sản chung, nhưng được khấu trừ vào các khoản tiền tạm ứng do ông K đã nộp cụ thể (số tiền 59.300.000 đồng theo biên lai thu số 0002985 ngày 14/5/2020; số tiền 43.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007778 ngày 12/11/2020; số tiền 14.000.000đ tiền theo biên lai thu số 0009320 ngày 26/01/2021; số tiền 6.700.000đ theo biên lai thu số 0002129 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX), nên **ông K được nhận lại 330.945 đồng**.

[8] Về biện pháp tư pháp khác:

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 15-5-2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng đối với số tiền 5.100.000.000đ để đảm bảo thi hành án.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (khi ông K, bà Q thực hiện xong các nghĩa vụ dân sự như án phúc thẩm đã tuyên) thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 15-5-2020 của Tòa án nhân dân thành phố LX bị hủy bỏ đối với việc phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng đối với số tiền 5.100.000.000 đồng.

- Ông Trần Duy K được nhận lại tiền đã nộp biện pháp bảo đảm và lãi nếu có tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh An Giang theo chứng từ giao dịch bảo đảm thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số tài khoản 701300081039 ngày 15/5/2020 kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[9] Về chi phí thẩm định, định giá lại tài sản ở cấp phúc thẩm:

- Chi phí xem xét, thẩm định, định giá lại tài sản là 58.240.800 đồng. Do đó, ông K, bà Q mỗi người phải chịu 29.120.400 đồng chi phí tố tụng ở cấp phúc thẩm.

- Ông K đã nộp 40.000.000 đồng (cho Công ty định giá xong).

- Bà Q đã nộp 18.240.800 đồng (15.240.800đ cho Công ty định giá, chi phí thẩm định 3.000.000đ xong).

- Nên bà Q phải hoàn trả cho ông K 10.879.600 đồng chi phí tố tụng.

[10] Về án phí phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Ái Q không phải chịu án phí phúc thẩm, bà Q được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001627 ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

[11] Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm đã tuyên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 06/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX là một phần không thể tách rời của Bản án).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp-HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp-HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp LX;
- VKSND TP LX;
- Phòng KTNV&THA tỉnh AG;
- THADS –Tp LX;
- UBND phường ML, TPLX;
- Các đương sự ;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Tuấn

